

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST  
Ngày 29-01-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông **Nguyễn Minh Biên**.

2. Ông **Bùi Văn Giang**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Bà **Lý Hồng Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021 đối với:

**Bị cáo: LÝ VĂN Q** - Sinh ngày: 30-9-1992 tại huyện V, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Lý Văn S – Sinh năm: 1965; Con bà: Bản Thị C – Sinh năm: 1967; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt.

Bị cáo Lý Văn Q bị bắt tạm giam từ ngày 20-10-2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

**Bị hại:** Anh **Tráng Văn H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện V, tỉnh H; Hôm nay có mặt

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn V, huyện V, tỉnh H; Hôm nay vắng mặt

**Người làm chứng:** Bà **Phản Thị C**, sinh năm 1962; Hôm nay vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20-5-2020 Lý Văn Q, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã N, huyện V, tỉnh H đến nhà Bàn Văn Đ, sinh năm 1986, trú tại thôn Gia T, xã C, huyện V,

tỉnh H chơi. Tại đây Q gặp Tráng Văn H, sinh năm 1995, trú tại thôn G, xã C, huyện V. Sau đó Q rủ H đến nhà bà Phan Thị C, sinh năm 1962, trú tại thôn L, xã N, huyện V chơi, H đồng ý. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày H đưa xe mô tô biển kiểm soát 23H1 - 171.21 của H cho Q điều khiển chở H ngồi sau. Khi đến nhà bà C khoảng hơn 12 giờ, ngồi chơi một lúc thì bà C mời Q và H ở lại ăn cơm, Q và H đồng ý. Sau đó Q cùng với bà C nấu cơm, do nhà bà C không có rượu nên bà C đưa cho Q 40.000đ (*Bốn mươi nghìn đồng*) đi mua rượu. Q hỏi H mượn xe mô tô được H đồng ý rồi Q điều khiển xe mô tô đi ra thị trấn V để mua rượu. Q đi ra trung tâm thị trấn V, do không có tiền nên Q nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô lấy tiền đi huyện M chơi. Sau đó Q điều khiển xe mô tô đến cửa hàng xe máy SUZUKI T tại tổ 15, thị trấn V, huyện V. Tại đây Q gặp Nguyễn Văn D, sinh năm 1989, trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện V (*là nhân viên cửa hàng xe máy T*) đặt vấn đề bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 171.21 của H nhưng do không có giấy tờ xe nên D không mua. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày không bán được xe nên, Q hỏi vay D 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và để chiếc xe mô tô của H cùng giấy chứng minh nhân dân của Q lại làm tin. Sau khi có được tiền Q đi lên huyện M chơi và tiêu xài cá nhân hết. Về phía H sau khi Q mượn xe mô tô không thấy Q trả lại nên ngày 26-5-2020 H đến cơ quan chức năng để trình báo sự việc.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 23H1 - 171.21 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen - bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe này là tài sản của Tráng Văn H nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 79).

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 23-10-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 171.21 nhãn hiệu HONDA có giá trị là 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*). (BL số 84).

Về phần dân sự: Bị hại Tráng Văn H đã nhận lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 171.21 nên không yêu cầu bị can Lý Văn Q phải bồi thường gì. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn D yêu cầu bị can Lý Văn Q phải hoàn trả số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Bà Phan Thị C không yêu cầu Lý Văn Q phải trả lại số tiền là 40.000đ (*Bốn mươi nghìn đồng*).

**Tại cáo trạng số:** 06/CT-VKS ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với bị cáo Lý Văn Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo Lý Văn Q khai nhận vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 20-5-2020 tại tổ 15, thị trấn V, huyện V, tỉnh H Lý Văn Q đã mang chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 171.21 mượn của Tráng Văn H đi cầm cố chiếc xe máy để vay tiền của Nguyễn Văn D số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), số tiền này Q đã tiêu xài cá nhân hết. Kết quả định giá chiếc xe mô tô trên có giá trị là 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*). Bị cáo Q nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để sớm quay về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa ngày hôm nay Tráng Văn H vắng mặt chủ tọa phiên tòa công bố đơn và lời khai của bị hại Tráng Văn H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường thêm bất cứ khoản gì về phần trách nhiệm dân sự, cam kết sẽ không có khiếu kiện gì về sau.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn D vắng mặt chủ tọa phiên tòa công bố đơn và lời khai của anh D yêu cầu bị phải hoàn trả số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo; bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lý Văn Q. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của bị hại; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; lời khai người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị với HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Lý Văn Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lý Văn Q từ 14 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 20-10-2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 375, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Mục II nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Tòa án nhân dân tối cao “*Về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo Lý Văn Q phải hoàn trả số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án buộc bị cáo Q phải trả cho anh D số tiền 5.000.000đ và chịu lãi xuất chậm trả theo quy định.

Bị hại H đã được nhận lại tài sản bị Q chiếm đoạt và không yêu cầu Q phải bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng:

01 xe mô tô biển kiểm soát 23H1 - 171.21 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen - bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe này là tài sản của Tráng Văn H nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 79). Chủ sở hữu nhận lại tài sản không có yêu cầu bổ sung nên không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

*Phần tranh luận tại phiên tòa:*

Bị cáo Quang có quan điểm nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

*Quyền của bị cáo nói lời sau cùng:*

Bị cáo Q nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt tù sớm về với cộng đồng và gia đình.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp bắt tạm giam, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Văn Q đã thực hiện hành vi phạm tội vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 20-5-2020 tại tổ 15, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Lý Văn Q, đã mượn 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 171.21 của Tráng Văn H khi vay tiền của Nguyễn Văn D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và để chiếc xe mô tô lại làm tin, số tiền này Q đã tiêu xài cá nhân hết. Kết quả định giá chiếc xe mô tô trên có giá trị là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Lời khai của bị cáo Lý Văn Q phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Lý Văn Q là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lý Văn Q đã lợi dụng lòng tin của bị hại, để mượn chiếc xe mô tô BKS 23H1 – 171.21 có giá trị 17.000.000đ. Sau khi có xe mô tô BKS 23H1 – 171.21, bị cáo Q đã mang đi cầm ở hiệu cầm đồ chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 23H1 – 171.21 đang do mình quản lý để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lý Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội.

Tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

*“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt*

*tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;*

*b)...”*

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Q không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa và quá trình điều tra, bị cáo Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thuộc hộ nghèo dân tộc ít người do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Tính chất và mức độ của hành vi phạm tội: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Q là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh, trật tự, mất lòng tin trong xã hội. Bị cáo ý thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung loại tội phạm này theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 là phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên đưa ra tại phiên tòa.

[6] Bị cáo Q không có thu nhập ổn định. Do vậy không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại H đã được nhận lại tài sản bị cáo Q chiếm đoạt và không yêu cầu Q phải bồi thường gì thêm. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo Lý Văn Q phải hoàn trả số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Bị cáo Q nhất trí bồi thường thiệt theo yêu cầu của anh D. HĐXX xét thấy cần chấp. Buộc bị cáo Q phải bồi thường cho anh Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn V, huyện V, tỉnh H số tiền 5.000.000đ và chịu lãi xuất chậm trả theo quy định.

[9] Theo Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 375, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Mục II nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Tòa án nhân dân tối cao “*Về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

[10] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát 23H1 - 171.21 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen - bạc và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe này là tài sản của Tráng Văn H nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho chủ sở hữu (BL số 79). Chủ sở hữu nhận lại tài sản không có yêu cầu bổ sung nên HĐXX không xem xét.

[11] Về án phí: Bị cáo Q thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí. Bị cáo Lý Văn Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch. Theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21,

khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[12] Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[13] Đối với Nguyễn Văn D, sinh năm 1989, trú tại tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh H là người đã cho Lý Văn Q vay số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) và nhận chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23H1 – 171.21 do Q để lại làm tin. Khi cho vay tiền D không biết chiếc xe mô tô của Q để lại làm tin là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý (BL số 122 đến 125).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Về tội danh và hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên xử bị cáo Lý Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Lý Văn Q 14 (mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Q bị bắt, ngày 20-10-2020.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 375, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Lý Văn Q phải trả lại cho anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn V, huyện V, tỉnh H số tiền: 5.000.000đ. (*năm triệu đồng*)

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

**Về án phí:** Bị cáo Q thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, khoản 1 Điều 23 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 “quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Bị cáo Lý Văn Q được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

**Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-01-2021).

Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp H;
- Chi cục Thi hành án huyện dân sự huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

**T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Lâm Anh Luyện**